



CK.0000045265

KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

# NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

**NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT:  
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

**NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT  
NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN**

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI  
HÀ NỘI - 2008

## MỤC LỤC

	• <i>Lời nói đầu</i>		7
1	<i>Diệp Quang Ban</i>	Lí thuyết khung cho một ngữ pháp Việt Nam	9
2	<i>Nguyễn Hồng Cẩn - Bùi Thị Diên</i>	Dạng bị động và vấn đề câu bị động trong tiếng Việt	55
3	<i>Hoàng Cao Cương</i>	Nhập môn vào ngữ điệu tiếng Việt	97
4	<i>Nguyễn Đức Dân</i>	Ngữ pháp logic trong tiếng Việt	147
5	<i>Hoàng Dũng Nguyễn Thị Ly Kha</i>	Danh từ và các tiểu loại danh từ trong tiếng Việt	213
6	<i>Đình Văn Đức</i>	Đối lập Danh-Động tiếng Việt: Một vài nhận xét từ phương diện chức năng	297
7	<i>Cao Xuân Hạo</i>	Ngữ pháp chức năng và tính võ đoán trong các định danh của tiếng Việt	328
8	<i>Nguyễn Văn Hiệp</i>	Những cơ sở ngữ nghĩa cho việc miêu tả cấu trúc câu tiếng Việt	400
9	<i>Nguyễn Chí Hoà</i>	Vị ngữ trong tiếng Việt	436
10	<i>Trần Đại Nghĩa</i>	Về hai cách phân tích cú pháp đối với các tổ hợp kiểu <i>tất cả những cái con người bạc ác ấy</i>	487
11	<i>Nguyễn Thị Quy</i>	Vị từ	497

12	<i>Lý Toàn Thắng</i>	Thử áp dụng Ngữ pháp học tri nhận vào nghiên cứu một vài hiện tượng ngữ pháp tiếng Việt	536
13	<i>Nguyễn Minh Thuyết</i>	Chủ ngữ tiếng Việt	574
14	<i>Phạm Văn Tình</i>	Rút gọn và tỉnh lược: Phép tỉnh lược trên văn bản	611

## LỜI NÓI ĐẦU

*Ngay từ những năm 80 của thế kỉ trước, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam), Viện Ngôn ngữ học đã tiến hành hàng loạt các hoạt động khoa học chuyên theo hướng chuẩn mực hoá tiếng Việt hiện đại.*

*Về phương diện ngữ pháp, thời kì này được đánh dấu bằng cuốn **Ngữ pháp tiếng Việt**, khi đó là một công trình trọng điểm của nhà nước, do một tập thể các chuyên gia ngữ pháp hàng đầu biên soạn, dưới sự chỉ đạo của một Hội đồng Quốc gia gồm những nhà văn hoá, khoa học rất có uy tín, đã được Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam cho ấn hành lần đầu tiên năm 1983. Đây là công trình ngữ pháp ở cấp quốc gia đầu tiên của nước ta, tổng kết lại những nhận thức và tri thức của giới ngữ pháp học nước nhà về chuẩn mực hoá, về lí luận ngữ pháp và về các đặc điểm của ngữ pháp tiếng Việt vào thời điểm đó.*

*Cho đến nay, sau 23 năm, cuốn sách vẫn được dư luận chung - đặc biệt là giới ngôn ngữ học - đánh giá là cuốn ngữ pháp tiếng Việt phổ thông tốt nhất, xét từ nhiều phương diện.*

*Về mặt khoa học, các tác giả đã rất coi trọng việc xuất phát từ bản ngữ để mô tả, phân tích một cách hệ thống các hiện tượng ngữ pháp tiếng Việt; đồng thời có tiếp thu lí luận ngôn ngữ học thế giới đương thời (nhất là những thành tựu của ngành Đông phương học Xô viết). Về mặt thực tiễn, các tác giả cuốn sách đã lựa chọn những giải pháp hợp lí, coi trọng sự đồng thuận về những vấn đề đang còn tranh luận, với một cách trình bày rành mạch và khá đầy đủ về những đặc điểm cơ bản nhất của ngữ pháp tiếng Việt.*

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của xã hội, với sự phát triển mạnh mẽ của tiếng Việt và đặt trong bối cảnh lí luận ngôn ngữ học hiện nay có nhiều thay đổi, đã đến lúc phải khẩn trương chuẩn bị một cuốn **Ngữ pháp tiếng Việt** mới, để đáp ứng sự mong mỏi của đông đảo bạn đọc, nhất là của các giáo viên trong nhà trường, đang rất cần một cuốn ngữ pháp tiếng Việt như vậy.

Để tiến tới biên soạn cuốn ngữ pháp tiếng Việt mới này trong vòng vài năm tới thì việc nhìn lại những kết quả đã làm được và suy ngẫm về những gì sắp làm - đặc biệt là những cơ sở lí luận - là một công việc hết sức cần thiết.

Với nhận thức trên, Viện Ngôn ngữ học đã tổ chức một đề tài khoa học nhằm nghiên cứu, đề xuất những vấn đề lí luận về ngữ pháp tiếng Việt. Thực hiện nhiệm vụ này, Viện đã tổ chức hai cuộc Hội thảo về ngữ pháp tiếng Việt, một ở Hà Nội (29 - 30/06/2002), một ở Tp. Hồ Chí Minh (26 - 27/08/2002). Sau đó trên cơ sở kết quả thu được từ hai cuộc Hội thảo này, Viện đã mời các nhà nghiên cứu ngữ pháp viết chuyên đề về lĩnh vực chuyên sâu của mình và nhiều vị đã hưởng ứng lời mời, viết bài cho tập sách (rất tiếc là một số vị vì những lí do riêng đã không tham gia được).

Sau một thời gian thu thập và biên tập để đưa xuất bản, cuốn sách mà quý bạn đọc đang cầm trên tay chính là "tập đại thành" các bài viết nói trên, ghi nhận những thành quả nghiên cứu của đông đảo giới nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt trong những năm qua.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 12 năm 2006

TM. Ban Chủ nhiệm Đề tài

GS TSKH. LÝ TOÀN THẮNG

# LÍ THUYẾT KHUNG CHO MỘT NGŨ PHÁP VIỆT NAM<sup>1</sup>

DIỆP QUANG BAN

## 1. Câu và đơn vị bên trong câu

### 1.1. Về tên gọi "câu" và "cú"

Trong ngữ pháp truyền thống, thuật ngữ "câu" được dùng để chỉ cái đơn vị ngữ pháp lớn nhất là đối tượng nghiên cứu của ngữ pháp. Câu vốn được hiểu là đơn vị được làm thành từ một mệnh đề, câu ghép thì được làm thành từ hơn một mệnh đề. Nhưng "mệnh đề" lại là thuật ngữ của logic, vì vậy có sự cố gắng tách "mệnh đề của ngôn ngữ" ra khỏi "mệnh đề của logic". Những cố gắng này đi theo hai hướng:

- Vẫn tiếp tục dùng "mệnh đề" với sự ngầm định rằng đó là mệnh đề dùng trong ngôn ngữ (giải pháp này vẫn được duy trì trong ngôn ngữ học Pháp cho đến ngày nay). Theo đó, thuật ngữ "câu" vẫn được dùng với cơ sở vẫn là mệnh đề hiểu theo ngôn ngữ học.

- Đưa vào ngôn ngữ học một tên gọi mới là "cú" vốn có trong tiếng Anh như là một tên gọi của mệnh đề ngôn ngữ, để phân biệt với tên gọi "mệnh đề" của logic. Có thể nhận ra điều này một cách dễ dàng trong sự phân biệt câu đơn với câu ghép (câu đơn là câu chứa một cú, câu ghép là câu chứa hơn một cú).

---

<sup>1</sup> Trên cơ sở lí thuyết khung này, một **Ngữ pháp tiếng Việt (bộ mới)** đã được hoàn thành và đã được Nxb Giáo dục công bố tháng 8-2005.



Trong ngữ pháp Việt Nam, ý tưởng dùng "cú" thay cho "mệnh đề ngôn ngữ" bắt đầu từ hai nhà ngữ pháp Trương Văn Chỉnh và Nguyễn Hiến Lê<sup>1</sup>.

Tuy nhiên trong ngữ pháp tiếng Anh gần đây, thuật ngữ "cú" được một số nhà nghiên cứu dùng phân biệt với "câu" theo hướng cho rằng "câu" vốn gắn với chữ viết như là một đơn vị chính tả có dấu chấm câu ở hai đầu, còn "cú" không bị ràng buộc vào chữ viết.

Vậy, nhìn chung, "cú" tương đương với cái được gọi là "câu đơn" của ngữ pháp truyền thống, và không ít nền ngữ pháp vẫn tồn tại mà không dùng thuật ngữ "cú". Việc dùng tiếng "cú" thay vì tiếng "câu" trong ngữ pháp học ngày nay nhằm vào hai việc sau đây:

(i) dùng "cú" thay cho tên gọi "mệnh đề" thuộc ngôn ngữ, để phân biệt với thuật ngữ "mệnh đề" của lôgic;

(ii) dùng "cú" thay cho tên gọi "câu", vì "câu" được coi như gắn với ngôn ngữ viết.

Hiện nay, theo cách hiểu chung nhất, *câu (sentence) là đơn vị lớn nhất về mặt cấu trúc trong tổ chức ngữ pháp của một ngôn ngữ<sup>ii</sup>. Còn cú (clause) được làm thành từ một khúc đoạn ngôn ngữ tập trung chung quanh một vị tố, và được dùng để diễn tả một sự thể (sự việc)<sup>iii</sup>. Định nghĩa về cú như vậy là một cách hiểu sâu hơn so với định nghĩa về câu: nêu thêm mặt tổ chức ngữ pháp cụ thể và mặt nghĩa thường có (nghĩa sự thể) của đơn vị đó. Định nghĩa câu như vậy cũng chỉ mới tính đến được phân nghĩa biểu hiện (chỉ sự thể), chưa bao quát được các chức năng khác mà câu đảm nhiệm trong từng trường hợp sử dụng cụ thể.*

Trong việc sử dụng ngôn ngữ, câu được dùng với ba chức năng sau đây: chức năng *biểu hiện* (diễn đạt kinh nghiệm), chức

năng lời *trao đổi* (tác động đến người nghe), chức năng (tạo) *văn bản* (đưa câu vào văn bản hoặc vào tình huống). Ngoài ra, câu còn có thêm chức năng **logic**, tức là diễn đạt các quan hệ trong tư duy, nhưng chức năng này thể hiện trong cấu trúc giữa các bộ phận chỉ sự việc trong câu và trong mối quan hệ giữa các câu với nhau, nên không được tách riêng ra.

Mặt khác, dù cho có thể dùng tên gọi *cú* thay cho tên gọi *câu đơn*, thì vẫn không thể tránh được tên gọi *câu*. Vì nếu không có cái gọi là "câu" thì khó lòng xác định được ranh giới của một hợp thể gồm nhiều câu. Việc xác định ranh giới các bộ phận có nghĩa do một số cú tạo thành trong một văn bản lớn gồm hàng trăm, hàng ngàn câu sẽ cực kì phức tạp nếu không có cái gọi là câu. Cho nên thuật ngữ "câu" cũng được sử dụng khi bàn về những hợp thể gồm hơn một câu và khi xem xét câu trong chức năng văn bản.

Như vậy, với cách quy ước cho rằng "cú" sẽ được gọi là "câu" ("câu đơn"), "hợp thể cú" gọi là "câu ghép", thì vẫn có thể dùng thuật ngữ "câu" để miêu tả ngữ pháp, như trong ngữ pháp của nhiều ngôn ngữ. Và **câu** hay **cú** đều có thể được định nghĩa gồm ba yếu tố trên như sau: **câu (hay cú) là đơn vị lớn nhất về mặt cấu trúc trong tổ chức ngữ pháp của một ngôn ngữ, được làm thành từ một khúc đoạn ngôn ngữ tập trung chung quanh một vị tố, và được dùng để diễn đạt một sự thể (hay một sự việc)**. Định nghĩa này không tính đến đặc thù của ngôn ngữ cụ thể, không gắn với dạng nói hay dạng viết của ngôn ngữ, và cũng chưa tính đến các chức năng khác, ngoài chức năng nghĩa biểu hiện.

## **1.2. Đơn vị và bậc bên trong câu**

Câu là đơn vị nằm ở bậc cao nhất của tổ chức ngữ pháp và